

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất

Ngày	31,500 VNĐ		
31/12/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	-	-

DT thuần	Q4/25
976	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 171 21.3%	
YoY: ▲ 187 23.7%	

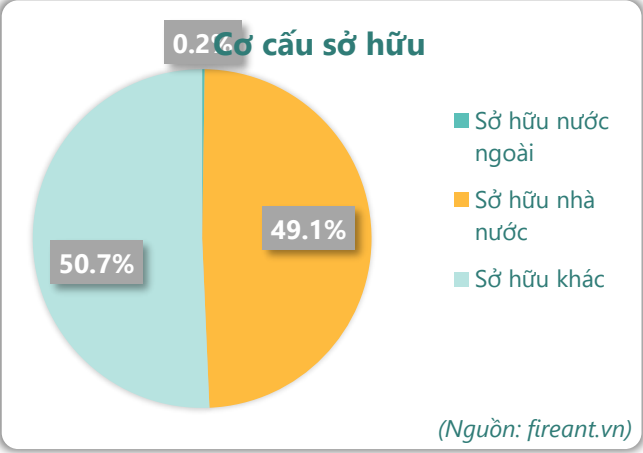
LN thuần	Q4/25
478	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 349 270%	
YoY: ▲ 336 236%	

LN sau thuế	Q4/25
367	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 260 243%	
YoY: ▲ 231 170%	

Tỷ suất lãi EBIT	2025
25.4%	
YoY: +/-▲ 8.1%	

ROE	2025
39.5%	
YoY: +/-▲ 12.5%	

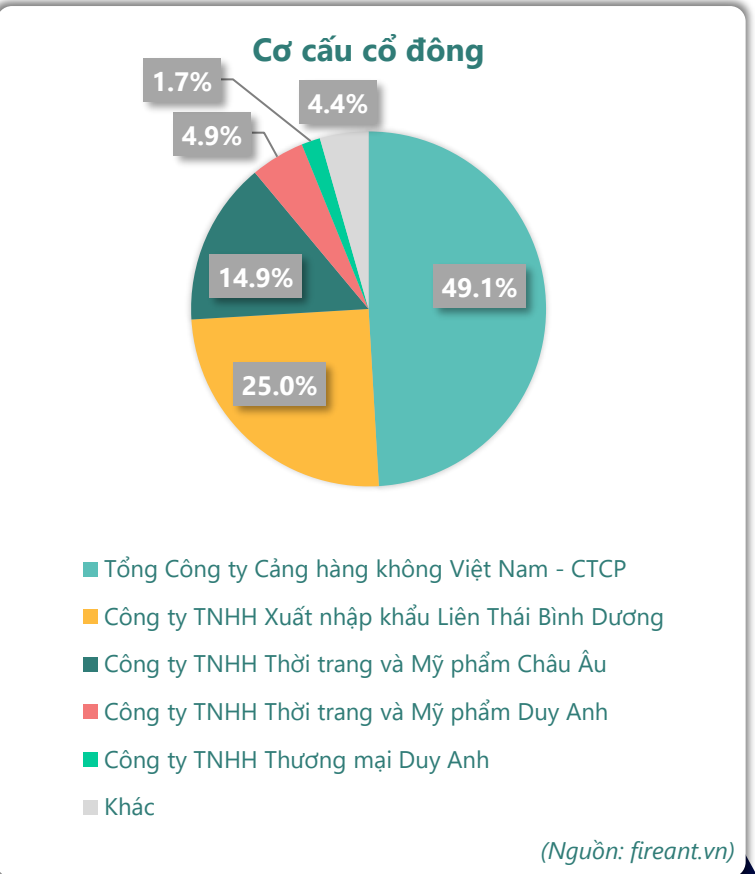
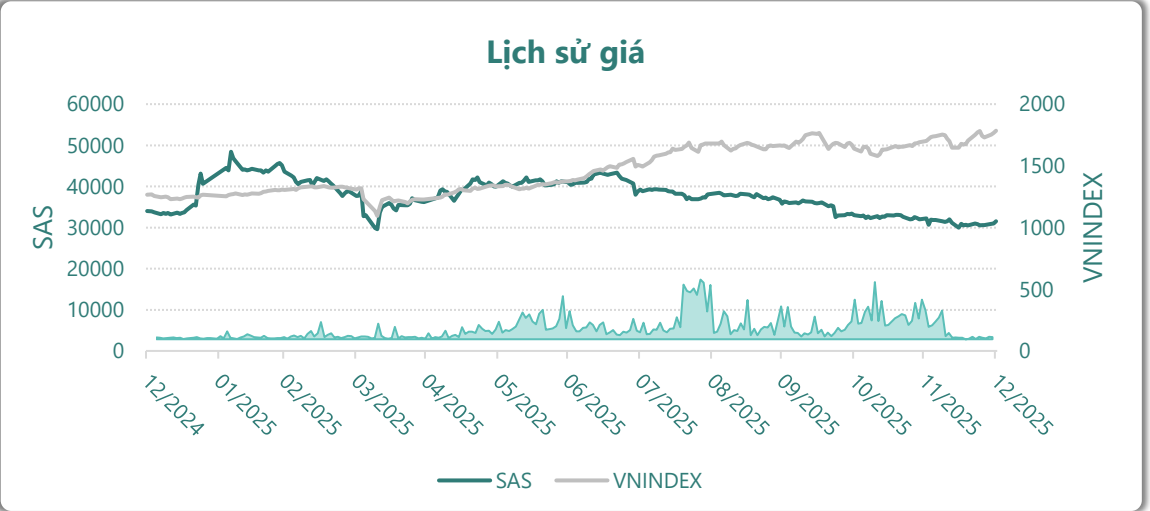
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	29,596 - 48,422
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,204
Số lượng CPLH (CP)	133,451,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,360
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.65
EPS	5,212
P/E	6.0



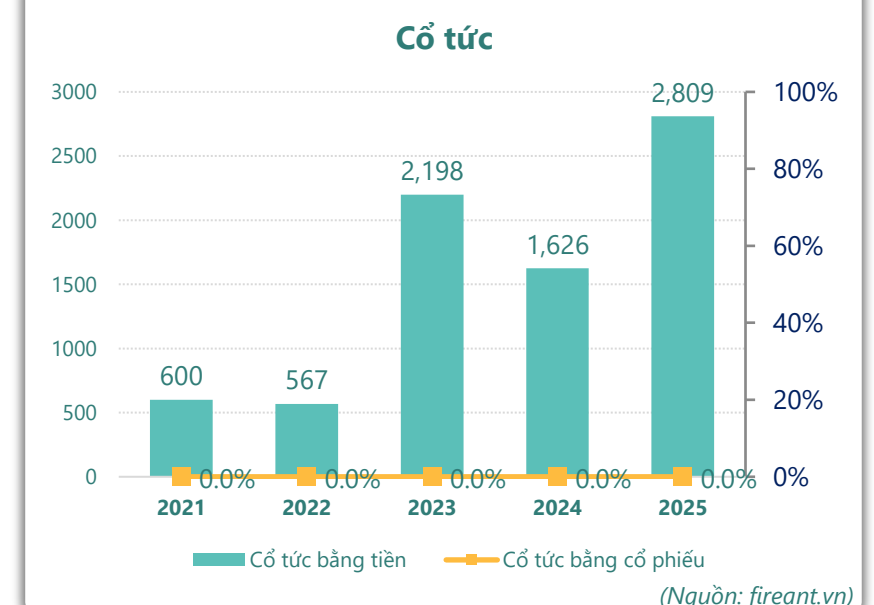
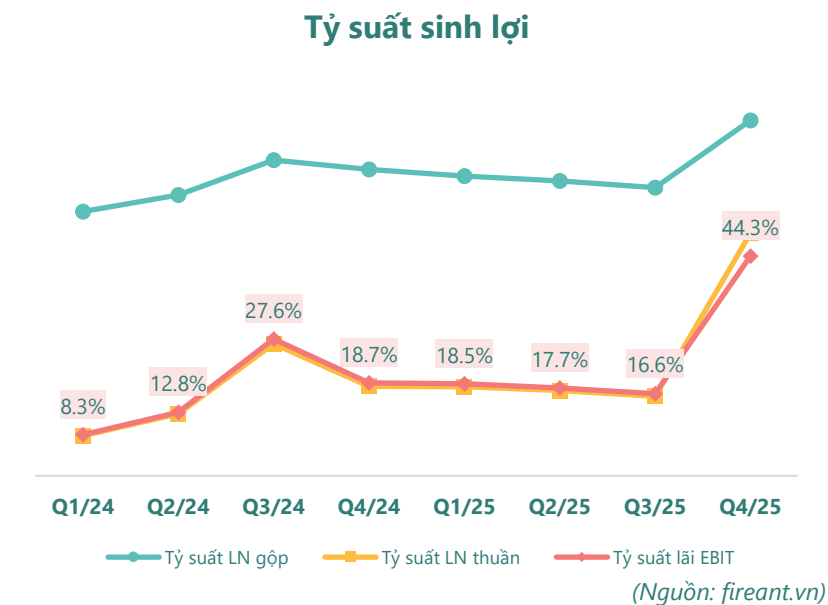
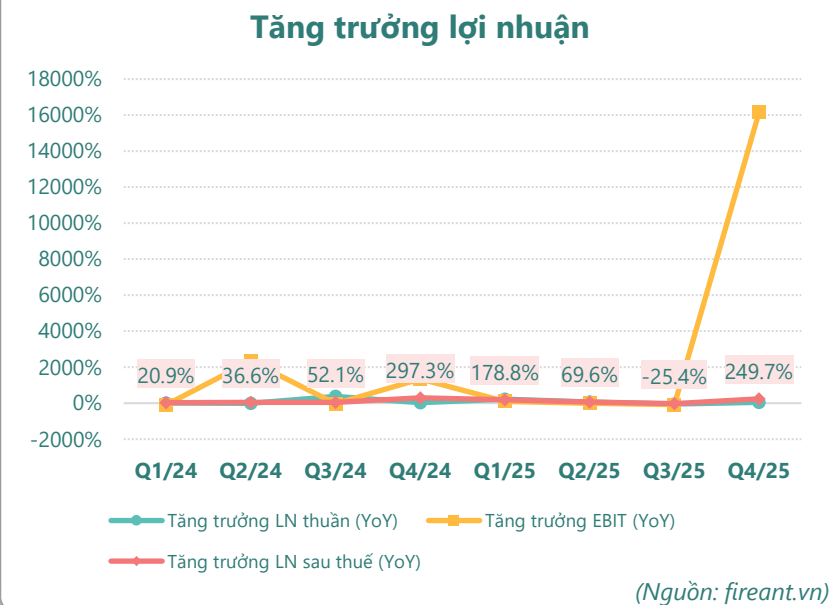
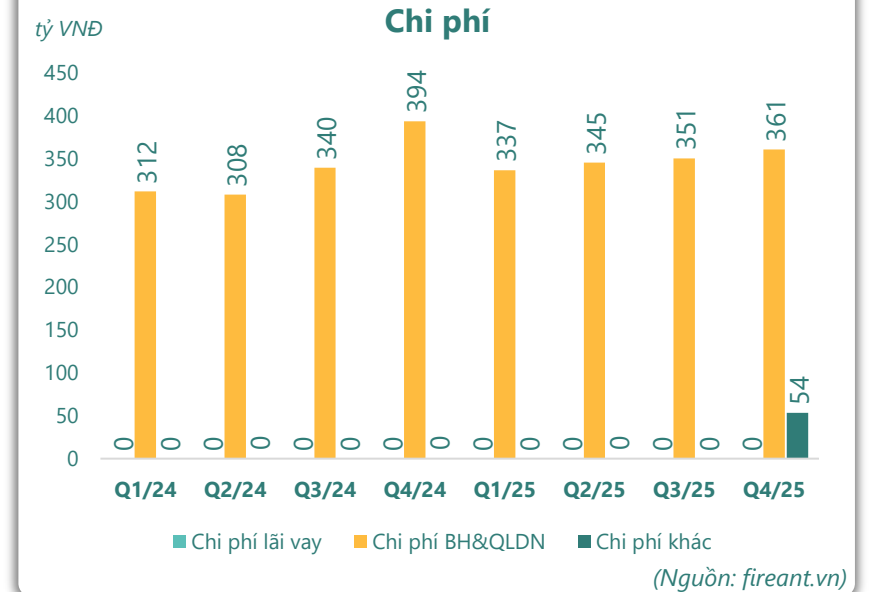
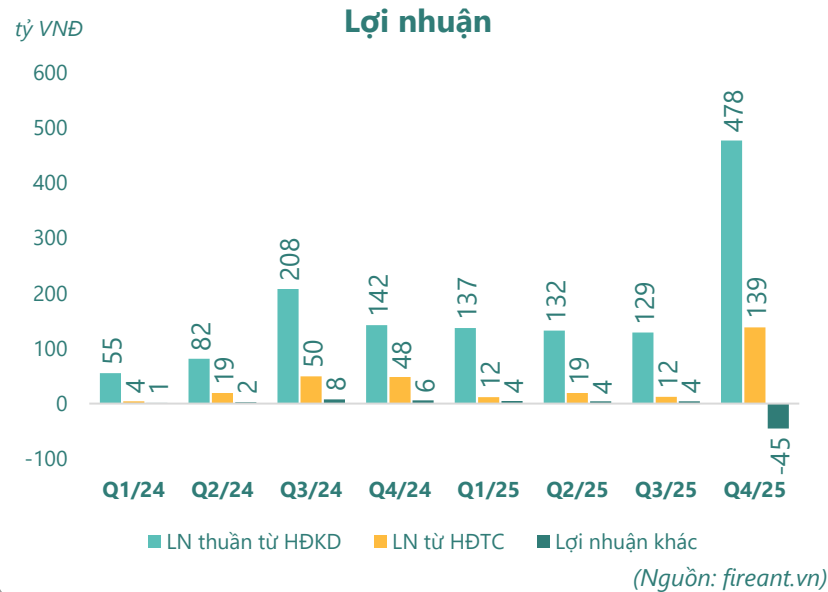
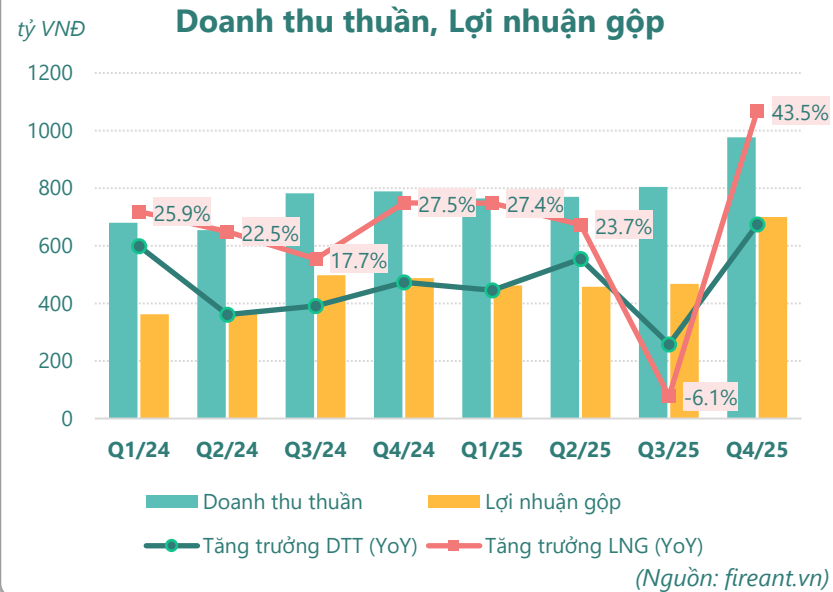
DT thuần	2025
3,316	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 410 14.1%	

LN thuần	2025
876	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 389 79.9%	

LN sau thuế	2025
695	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 273 65.0%	



KẾT QUẢ KINH DOANH

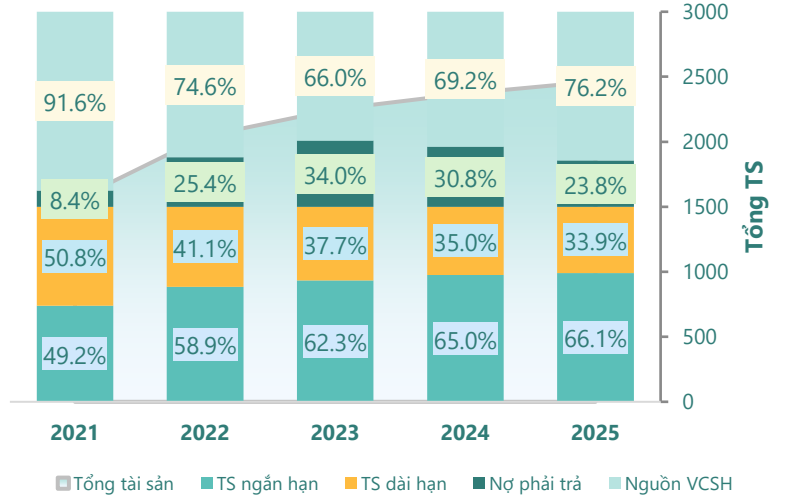


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

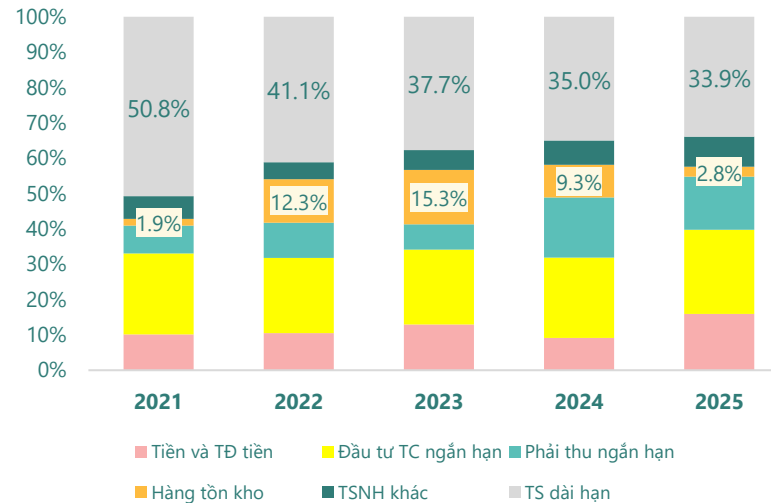
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

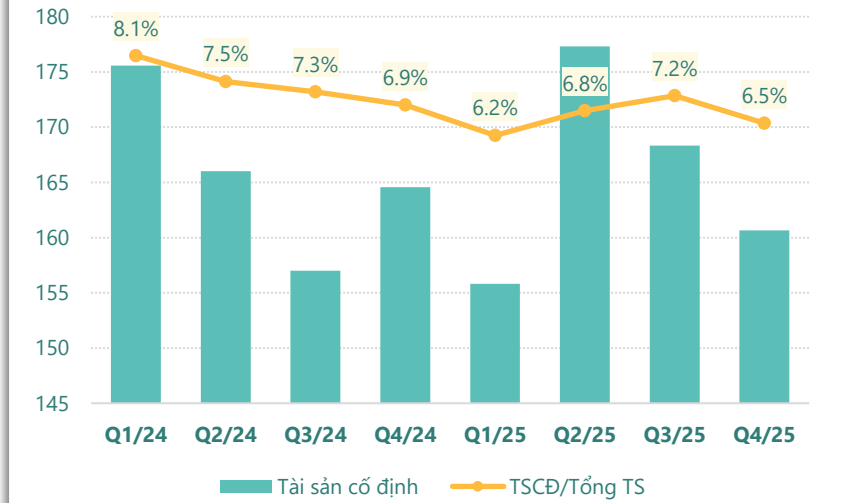
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

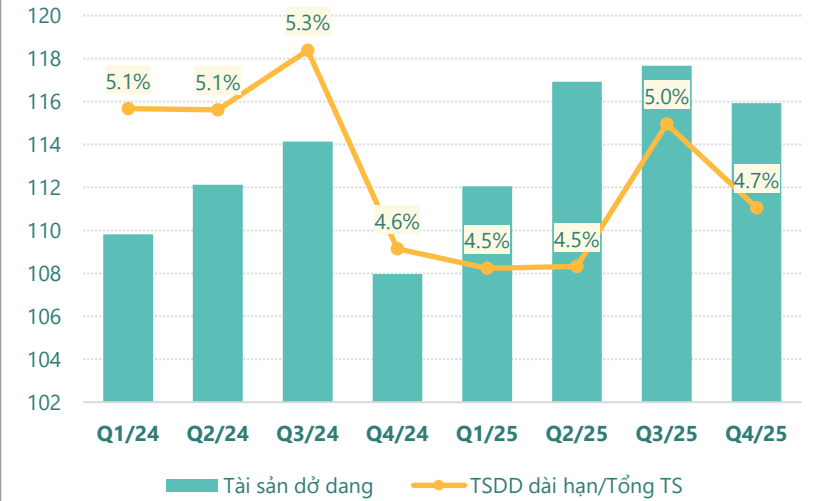
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

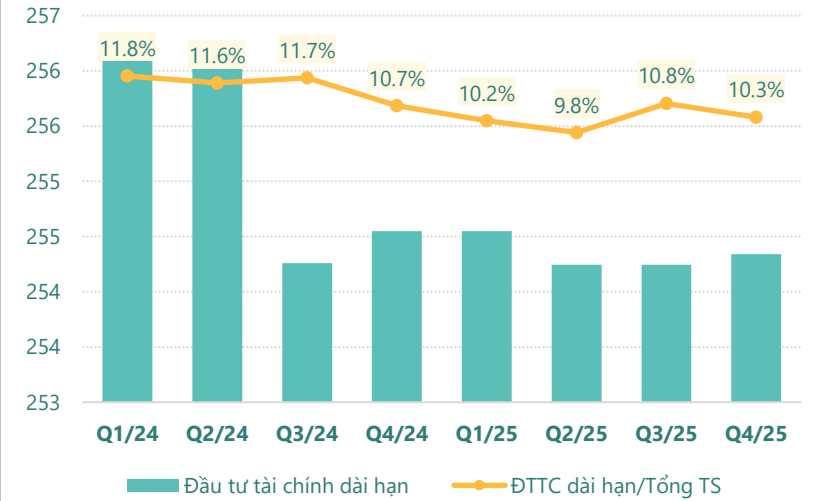
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

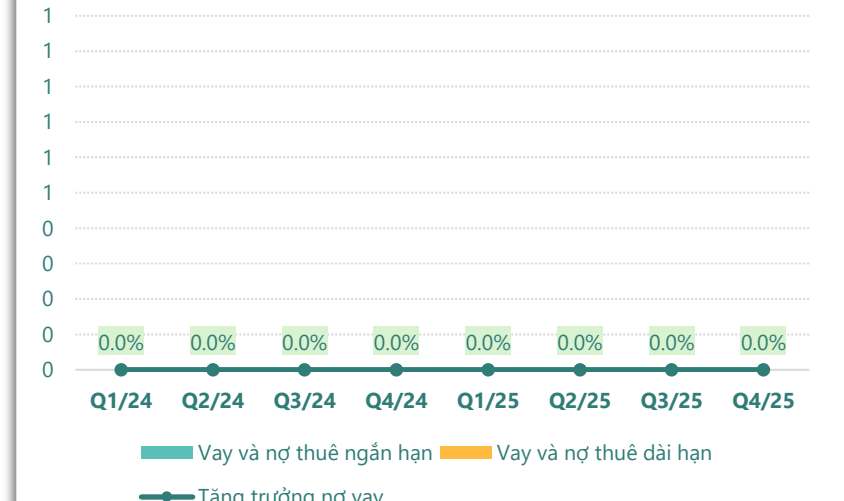
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

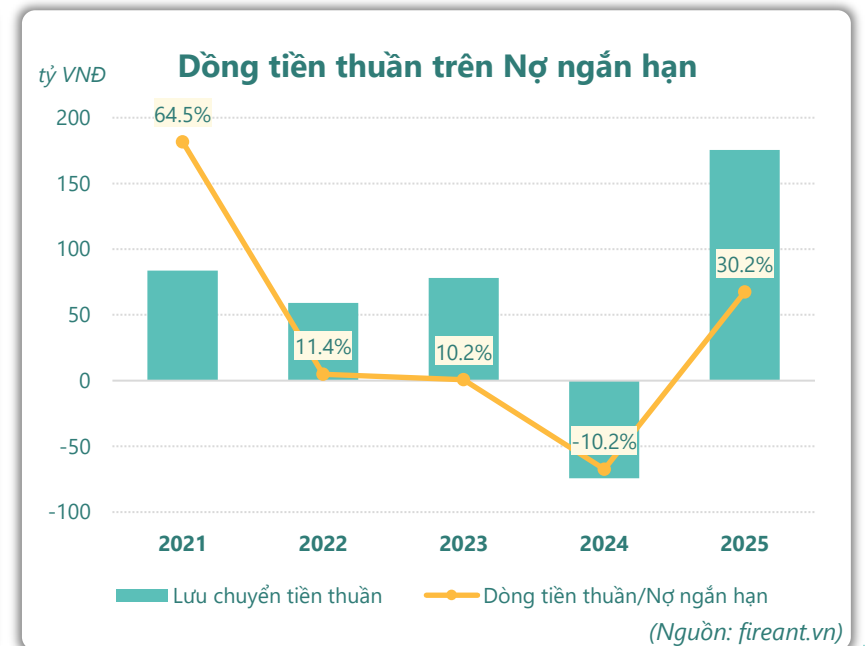
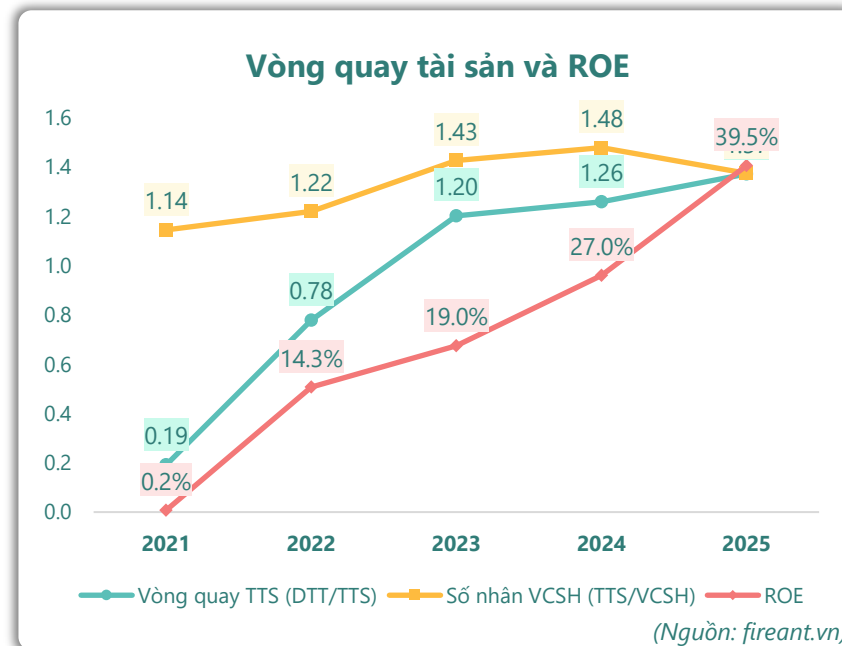
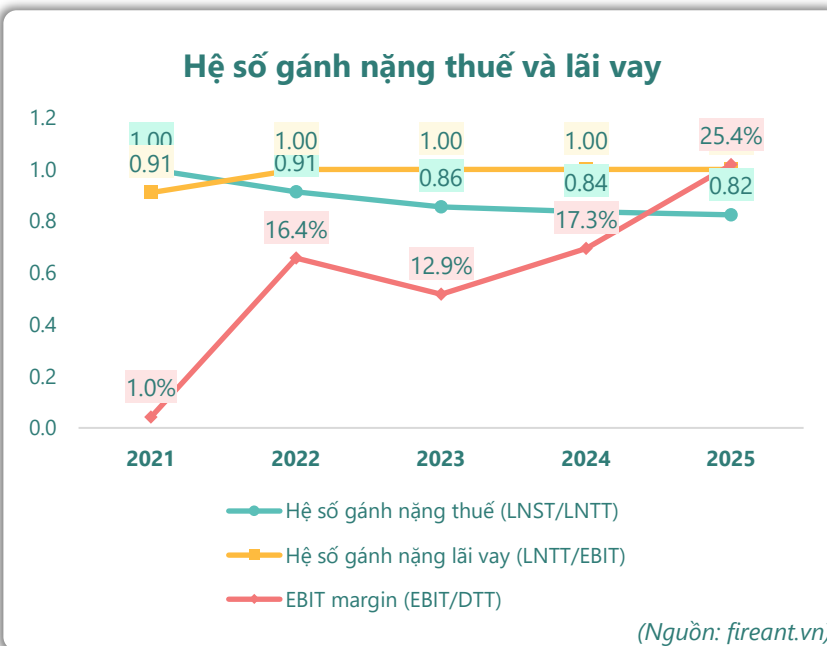
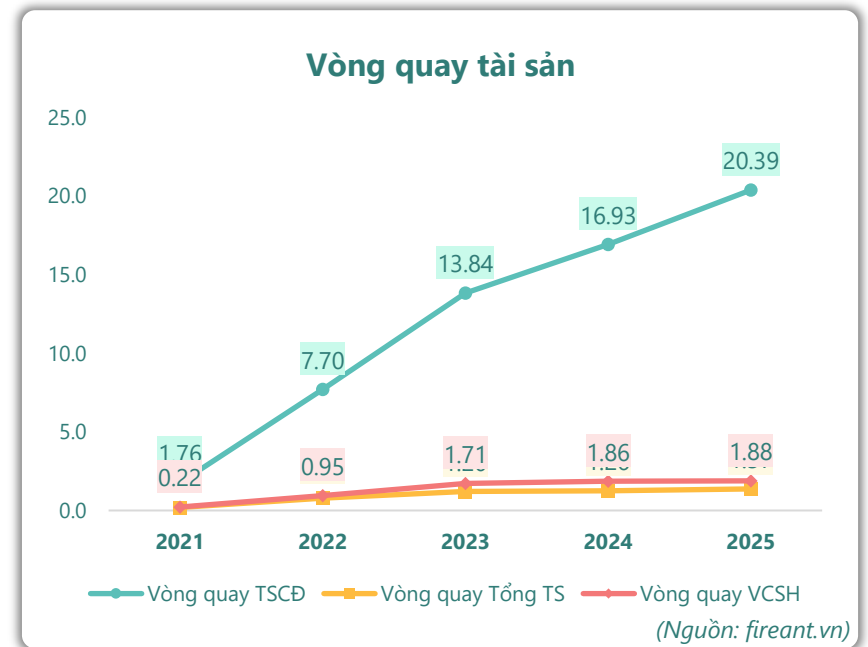
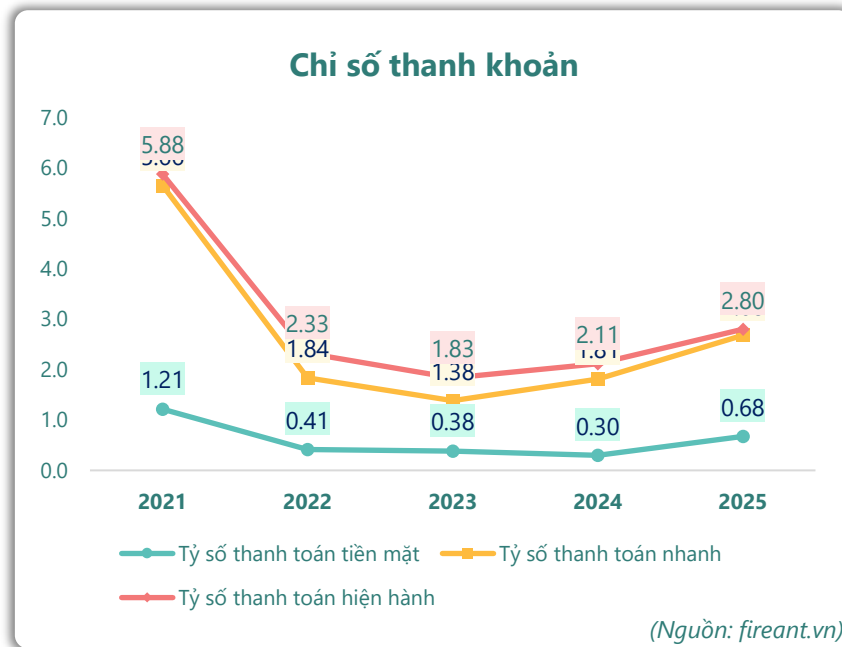
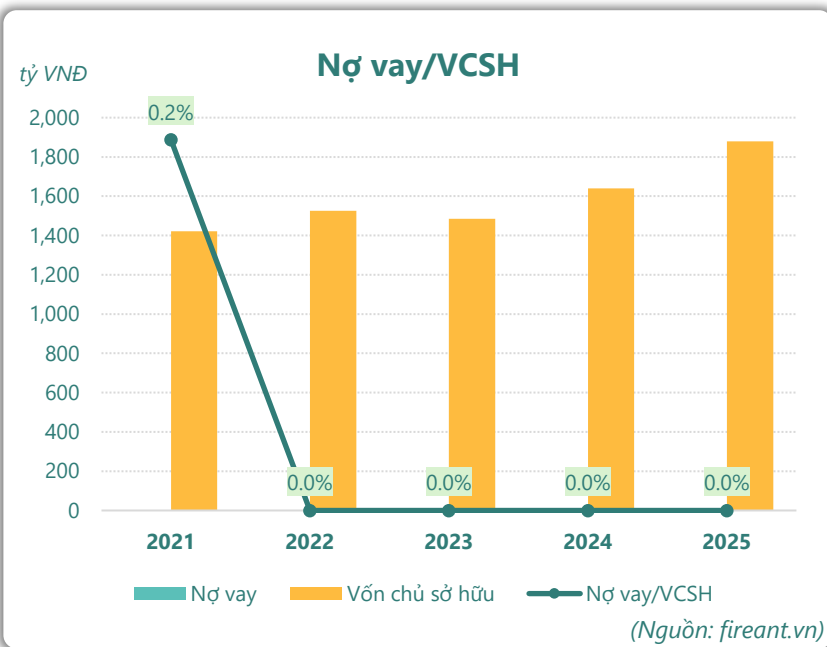
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	976	789	23.7%	3,316	2,906	14.1%
Giá vốn hàng bán	276	301	-8.2%	1,228	1,187	3.4%
Lợi nhuận gộp	700	488	43.4%	2,087	1,719	21.4%
Doanh thu HĐTC	140	66.3	111%	198	157	25.7%
Chi phí TC	1.23	18.1	-93.2%	16.0	36.5	-56.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	227	246	-7.6%	1,018	953	6.8%
Chi phí QLDN	133	148	-9.9%	376	400	-6.1%
LN thuần từ HĐKD	478	142	236%	876	487	79.9%
Lợi nhuận khác	-45.0	5.63	-899%	-32.6	17.1	-291%
LN trước thuế	433	148	192%	844	504	67.3%
Lợi nhuận sau thuế	367	136	170%	695	422	65.0%
LNST của CĐ cty mẹ	367	136	170%	695	422	65.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.5	82.4	256	48.0	180	-21.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	34.2	-54.1	30.7	-84.0	-169	311
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-216	-46.4	-0.15	-0.09	-295	-80.0
Tiền đầu kỳ	387	234	217	504	470	183
Lưu chuyển tiền thuần	-146	-18.1	286	-36.0	-284	209
Ảnh hưởng tỷ giá	-7.33	1.64	0.42	1.74	-2.44	0.22
Tiền cuối kỳ	234	217	504	470	183	393

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,464	2,370	4.0%
Tài sản ngắn hạn	1,628	1,539	5.8%
Tiền và tương đương tiền	393	217	80.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	586	537	9.0%
Phải thu ngắn hạn	370	404	-8.3%
Hàng tồn kho	68.9	220	-68.6%
Tài sản ngắn hạn khác	210	161	30.4%
Tài sản dài hạn	836	830	0.7%
Phải thu dài hạn	247	245	0.8%
Tài sản cố định	161	165	-2.4%
Bất động sản đầu tư	32.2	32.2	0.0%
Tài sản dở dang	116	108	7.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	254	255	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	26.2	26.2	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	585	730	-19.8%
Nợ ngắn hạn	581	728	-20.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	161	392	-59.0%
Nợ dài hạn	3.94	2.16	82.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,879	1,640	14.6%
Vốn chủ sở hữu	1,879	1,640	14.6%
Vốn điều lệ	1,335	1,335	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

